

www.jinkosolar.com

JinKO Solar
Building Your Trust in Solar

Tiger 78TR

460-480 Watt

MONO-FACIAL MODULE

Loại P

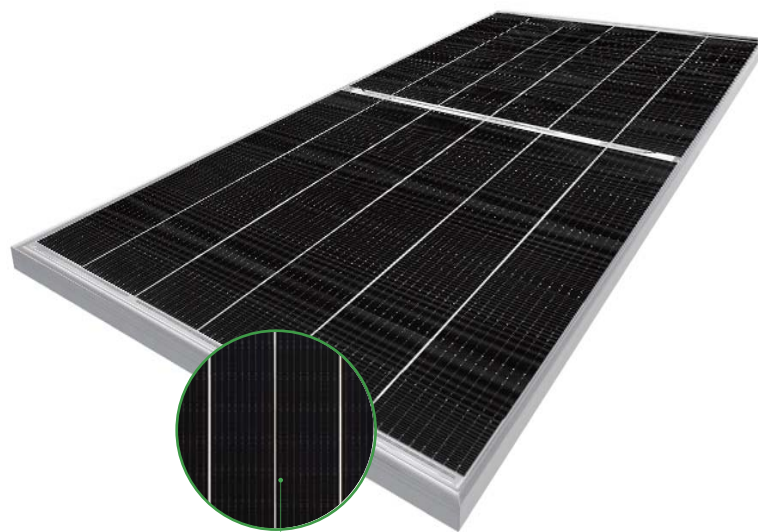
Độ suy hao công suất từ 0 ~ + 3%

IEC61215 (2016), IEC61730 (2016) ISO9001: 2015: Hệ thống quản lý chất lượng

ISO14001: 2015: Hệ thống quản lý môi trường

ISO45001: 2018

Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp



Công nghệ Tiling Ribbon (TR)

Các đặc điểm chính



Công nghệ TR + Half Cell

Công nghệ TR với Half cell nhằm mục đích loại bỏ khoảng cách tế bào để tăng hiệu quả của mô-đun (đơn mặt lên đến 21,38%)



Bảo hành tốt nhất

Bảo hành sản phẩm 12 năm, bảo hành điện tuyến tính 25 năm



9BB thay vì 5BB

Công nghệ 9BB làm giảm khoảng cách giữa các thanh cái và đường lưới ngón tay, điều này có lợi cho việc tăng công suất.



Tải trọng cơ học nâng cao

Được chứng nhận chịu được: tải trọng gió (2400 Pascal) và tải trọng tuyết (5400 Pascal).



Hiệu suất điện lâu dài cao hơn

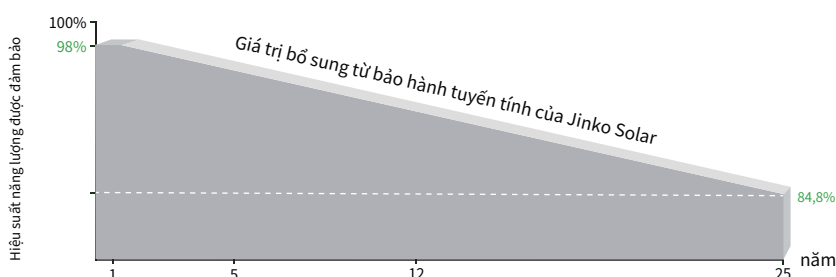
Suy thoái 2% năm đầu tiên, suy giảm tuyến tính 0,55%



Tránh các mảnh vỡ, vết nứt và nguy cơ vỡ công một cách hiệu quả

Công nghệ 9BB sử dụng ruy băng tròn có thể tránh các mảnh vỡ, vết nứt và nguy cơ vỡ công một cách hiệu quả

BẢO HÀNH HIỆU SUẤT TUYẾN TÍNH

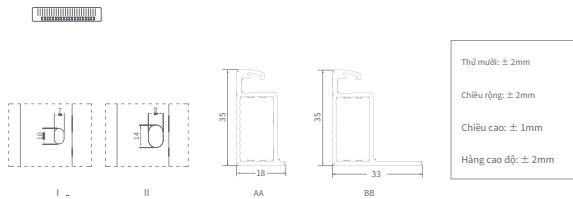
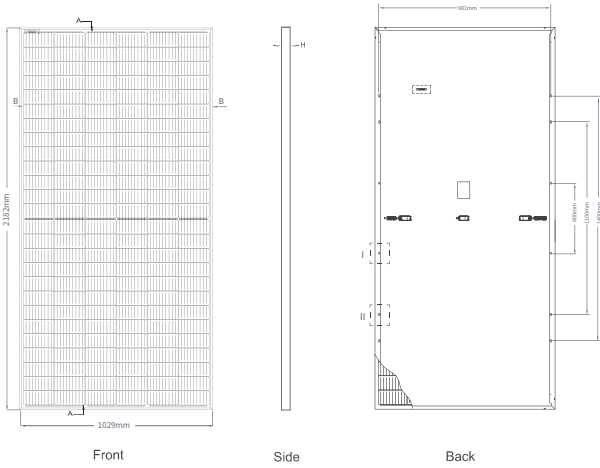


12Năm bảo hành sản phẩm

25Năm bảo hành nguồn tuyến tính

0,55%Suy thoái hàng năm Trong 25 năm

Bản vẽ kỹ thuật

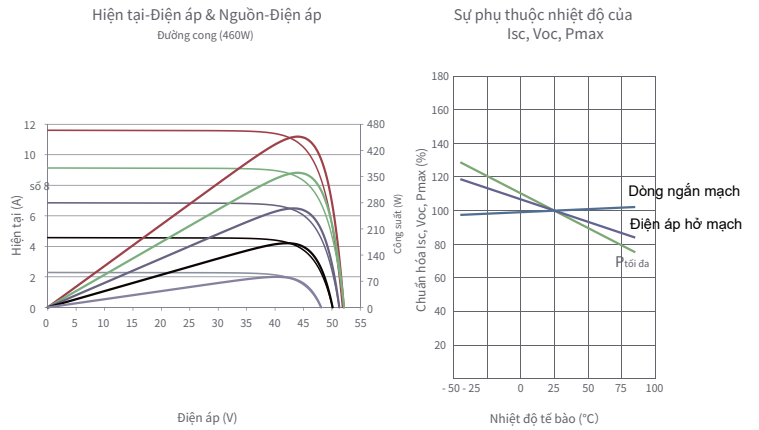


Cấu hình bao bì

(Hai pallet = Một ngăn xếp)

31pcs / pallet, 62pcs / stack, 620pcs / 40'HQ Container

Hiệu suất điện và sự phụ thuộc vào nhiệt độ



Đặc tính cơ học

Loại ô	Loại P Đơn tinh thể
Số ô	156 (2 × 78)
Kích thước	2182 × 1029 × 35mm (85,91 × 40,51 × 1,38 inch)
Trọng lượng	25,0kg (55,12 lbs)
Kính trước	3.2mm, Lớp phủ chống phản xạ, Truyền cao, sắt thấp, kính cường lực
Khung	Hộp kim nhôm Anodized
Hộp đựng mối nối hai mạch điện	IP68
Cáp đầu ra	TUV 1 × 4.0mm (+): 290mm, (-): 145mm hoặc Chiều dài tùy chỉnh

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại mô-đun	JKM460M-7RL3		JKM465M-7RL3		JKM470M-7RL3		JKM475M-7RL3		JKM480M-7RL3	
	STC	NOCT	STC	NOCT	STC	NOCT	STC	NOCT	STC	NOCT
Công suất tối đa (Pmax)	460Wp	342Wp	465Wp	346Wp	470Wp	350Wp	475Wp	353Wp	480Wp	357Wp
Điện áp công suất tối đa (Vmp)	43,08V	39,43V	43,18V	39,58V	43,28V	39,69V	43,38V	39,75V	43,48V	39,90V
Dòng điện tối đa (Imp)	10,68A	8,68A	10,77A	8,74A	10,86A	8,81A	10,95A	8,89A	11,04A	8,95A
Điện áp mạch hở (Voc)	51,70V	48,80V	51,92V	49,01V	52,14V	49,21V	52,24V	49,31V	52,34V	49,40V
Dòng ngắn mạch (Isc)	11,50A	9,29A	11,59A	9,36A	11,68A	9,43A	11,77A	9,51A	11,86A	9,58A
Hiệu suất mô-đun STC (%)	20,49%		20,71%		20,93%		21,16%		21,38%	
(%) Nhiệt độ hoạt động	- 40°C ~ +85°C									
(°C) Điện áp hệ thống tối đa	1000 / 1500VDC (IEC)									
Đổi đa tối đa của cầu chì	20A									
Độ suy hao	0 - + 3%									
Hệ số nhiệt độ của Pmax	- 0,35% / °C									
Hệ số nhiệt độ của Voc	- 0,28% / °C									
Hệ số nhiệt độ của Isc	0,048% / °C									
Nhiệt độ tế bào hoạt động danh nghĩa (NOCT)	45 ± 2°C									

STC: Bức xạ 1000W / m²

Nhiệt độ tế bào 25 °C

AM = 1,5

NOCT Bức xạ 800W / m²

Nhiệt độ môi trường 20 °C

AM = 1,5

Tốc độ gió 1m / s